

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình khuyến công thành phố Cần Thơ đến năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khuyến công thành phố Cần Thơ đến năm 2020 (sau đây viết tắt là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung:

a) Huy động các nguồn lực trong nước và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN) và các dịch vụ khuyến công, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển chung của thành phố nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới;

b) Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất CN-TTCN một cách bền vững,

nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

c) Hướng các hoạt động khuyến công vào việc thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, công nghiệp nông thôn và các làng nghề CN-TTCN, tập trung các ngành công nghiệp thế mạnh, mũi nhọn của thành phố gia tăng hàm lượng công nghệ trong sản phẩm CN-TTCN, góp phần gia tăng giá trị sản xuất CN-TTCN và đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Năm 2017:

- Triển khai thực hiện đào tạo tập huấn nâng cao tay nghề tiểu thủ công nghiệp cho khoảng 140 lao động cho các doanh nghiệp, cơ sở lao động nông thôn;

- Tổ chức 04 lớp hỗ trợ khoảng 200 lượt học viên tham gia các khóa đào tạo khởi sự doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý;

- Tham gia 02 lượt gian hàng sản phẩm công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm trong nước;

- Hỗ trợ mô hình trình diễn và ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ cho 04 cơ sở công nghiệp nông thôn; hỗ trợ 02 cơ sở công nghiệp nông thôn áp dụng sản xuất sạch hơn và 02 cơ sở thực hiện áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn và thông tin tuyên truyền hoạt động khuyến công và cơ sở nâng cấp, sửa chữa hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường.

b) Giai đoạn 2018 - 2020:

- Triển khai thực hiện đào tạo nghề cho 490 lao động theo nhu cầu của các cơ sở CN-TTCN;

- Tổ chức 06 lớp tập huấn về khởi sự doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển 20 cơ sở công nghiệp nông thôn và các làng nghề CN-TTCN; 06 lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, điều hành doanh nghiệp, khả năng cạnh tranh, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế;

- Hỗ trợ 18 dự án/đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN; hỗ trợ tư vấn áp dụng sản xuất sạch trong công nghiệp cho hơn 08 doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 20 lượt doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm trong nước; 06 lần tham gia tổ chức gian hàng giới thiệu sản phẩm CN-TTCN tham gia Hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, Hội chợ hàng CN-TTCN cấp khu vực; tổ chức 01 lần bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố;

- Hỗ trợ quy hoạch chi tiết và đầu tư hạ tầng 03 cụm công nghiệp, hỗ trợ xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho 16 cơ sở, doanh nghiệp CN-TTCN;

- Thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến công bằng nhiều hình thức, tăng số lượng và chất lượng để các đối tượng thụ hưởng tiếp cận đầy đủ thông tin và chính sách của Trung ương, của thành phố về khuyến khích phát triển CN-TTCN.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi điều chỉnh:

Chương trình gồm các hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công và Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công do Sở Công Thương quản lý và tổ chức thực hiện để hỗ trợ phát triển CN-TTCN nông thôn thuộc các ngành nghề quy định tại Điều 5 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất CN-TTCN trên địa bàn các huyện, thị trấn, xã; các làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống của thành phố gồm các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn;

c) Các tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

III. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở, doanh nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động:

Hình thức đào tạo nghề, truyền nghề chủ yếu là ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành. Trong giai đoạn này tập trung vào các ngành nghề có thế mạnh và tận dụng lao động nông nhân, nguồn nguyên liệu tại địa phương như sản xuất đa dạng hóa các mặt hàng đan lát (đan bội, đan cần xé, lục bình...), đan lưới, đan giỏ bằng dây nhựa và may công nghiệp,... Việc tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề dựa trên cơ sở đã khảo sát nhu cầu cụ thể về đào tạo nghề của các cơ sở công nghiệp nông thôn, làng nghề, các địa phương để lập kế hoạch thực hiện chương trình.

Yêu cầu kết quả: Tổ chức 18 lớp đào tạo nghề cho 630 lao động theo nhu cầu

của các cơ sở CN-TTCN (mỗi lớp từ 30 - 35 học viên).

2. Hỗ trợ khởi sự doanh nghiệp; nâng cao năng lực quản lý, điều hành doanh nghiệp; nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn (SXSH) trong sản xuất công nghiệp:

- Khuyến khích, tư vấn hỗ trợ các cá nhân, tổ chức đầu tư vào sản xuất công nghiệp. Trang bị kiến thức khởi sự doanh nghiệp, nâng cao kỹ năng quản trị doanh nghiệp, khả năng cạnh tranh, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế; nâng cao nhận thức về lợi ích áp dụng SXSH trong công nghiệp; hỗ trợ thành lập doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp tham quan khảo sát thị trường, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất kinh doanh trong nước có hiệu quả;

- Tuyên truyền, phổ biến thông tin và nâng cao nhận thức đối với việc thành lập doanh nghiệp; hỗ trợ lập dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, năng lực quản trị doanh nghiệp và hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất CN-TTCN.

Yêu cầu kết quả: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khởi sự doanh nghiệp cho 210 học viên (08 lớp); nâng cao kỹ năng quản trị doanh nghiệp, khả năng cạnh tranh, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế; tổ chức 04 đoàn tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước. Hỗ trợ thành lập 15 doanh nghiệp sản xuất CN-TTCN. Hỗ trợ tư vấn áp dụng sản xuất sạch trong công nghiệp cho hơn 10 doanh nghiệp (trong đó có mô hình thí điểm).

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN:

- Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới hoặc công nghệ mới (tính mới so với cấp huyện);

- Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật mới; đầu tư mở rộng và phát triển sản xuất góp phần nâng cao trình độ công nghệ thiết bị, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm cho các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất CN-TTCN trên địa bàn thành phố;

- Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến xử lý ô nhiễm môi trường, trong đó ưu tiên hỗ trợ các cơ sở mới thành lập, các sản phẩm CN-TTCN lợi thế của thành phố.

Yêu cầu kết quả: Hỗ trợ 01 dự án/đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; 21 dự án/đề án chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN.

4. Phát triển sản phẩm CN-TTCN tiêu biểu:

Nhằm phát triển sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm CN-TTCN tiêu biểu, đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Lựa chọn sản phẩm tiêu biểu có tiềm năng phát triển để hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển sản xuất và trở thành sản phẩm thế mạnh, sản phẩm xuất khẩu, thông qua các hoạt động như tổ chức bình chọn sản phẩm CN-TTCN tiêu biểu thành phố, hỗ trợ sản phẩm CN-TTCN tiêu biểu thành phố tham gia bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia; hỗ trợ, tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm hàng CN-TTCN và các hoạt động giới thiệu, quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại khác cho các cơ sở, doanh nghiệp CN-TTCN. Đồng thời xây dựng kế hoạch hỗ trợ đầu tư phát triển sản phẩm CN-TTCN tiêu biểu cấp tỉnh, cấp khu vực và quốc gia.

Yêu cầu kết quả: Hỗ trợ 20 lượt doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm trong nước; 08 lần tổ chức gian hàng tham gia giới thiệu sản phẩm CN-TTCN của thành phố tham gia Hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, Hội chợ hàng CN-TTCN tiêu biểu cấp khu vực; tổ chức 01 lần bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố.

5. Hỗ trợ và đăng ký thương hiệu đối với sản phẩm công nghiệp nông thôn:

Yêu cầu kết quả: Hỗ trợ 30 cơ sở sản xuất CN-TTCN đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa.

6. Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, SXSH trong công nghiệp, tiết kiệm năng lượng:

Xây dựng chuyên mục thông tin về hoạt động khuyến công trên các phương tiện thông tin như báo, đài; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử và các hình thức thông tin đại chúng khác để cung cấp thông tin cho các cơ sở, doanh nghiệp về chính sách phát triển công nghiệp, chính sách khuyến công, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình; SXSH trong công nghiệp... Đồng thời, thông qua các hội thảo, hội nghị hay hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn thành phố để giới thiệu tuyên truyền về hoạt động khuyến công và nắm bắt những thông tin cần thiết.

7. Hợp tác quốc tế về khuyến công:

- Xây dựng và tham gia thực hiện hoạt động khuyến công, sản xuất sạch hơn trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế;

- Trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, SXSH với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật;

- Nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập khảo sát ở nước ngoài.

8. Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường:

- Trên cơ sở quy hoạch phát triển cụm CN-TTCN lựa chọn các cụm công nghiệp phù hợp, có đủ khả năng đối ứng kinh phí theo quy định để hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hỗ trợ xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cụm công nghiệp nhằm thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư phát triển sản xuất CN-TTCN;

- Hỗ trợ cơ sở, doanh nghiệp di dời vào các khu, cụm công nghiệp; hỗ trợ xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở CN-TTCN.

Yêu cầu kết quả: Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết 02 cụm công nghiệp; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho 01 cụm công nghiệp; hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho 16 cơ sở CN-TTCN.

9. Nghiên cứu và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công:

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công;

- Xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm và tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công;

- Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; xây dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về hoạt động khuyến công.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải pháp về tăng cường vai trò công tác thông tin, tuyên truyền đến các đối tượng thụ hưởng chính sách khuyến công:

- Phát hành bản tin, chuyên mục về chức năng, nhiệm vụ và các chính sách liên quan đến hoạt động khuyến công trên báo, đài, website... để giúp các đối tượng thụ hưởng chính sách khuyến công nắm bắt thông tin kịp thời và đề xuất nội dung hỗ trợ phù hợp với chương trình khuyến công;

- Tăng cường cập nhật, trao đổi thông tin giữa hoạt động khuyến công cấp thành phố với cán bộ khuyến công cấp huyện, khảo sát thực tế tại cơ sở CN-TTCN để trao đổi, cung cấp và nắm bắt thông tin, những nhu cầu của các cơ sở để lựa chọn,

xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng nội dung hoạt động khuyến công hàng năm nhằm triển khai thực hiện chương trình mang lại hiệu quả cao;

- Thông qua các hiệp hội, hội doanh nghiệp trên địa bàn thành phố để giới thiệu tuyên truyền về hoạt động khuyến công và nắm bắt những thông tin cần thiết để có biện pháp xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp phù hợp với từng nội dung hoạt động của chương trình khuyến công.

2. Giải pháp về tăng cường quản lý nhà nước về khuyến công:

- Rà soát lại cơ chế, chính sách đã ban hành để điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện cho phù hợp với thực tế của địa phương và phù hợp với các văn bản pháp lý quy định cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi, quản lý chương trình, kế hoạch, đề án, dự án khuyến công, đồng thời tăng cường hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện các hoạt động khuyến công.

3. Giải pháp về huy động các nguồn tài chính cho hoạt động khuyến công:

- Chủ động xây dựng các kế hoạch, đề án cụ thể để tranh thủ xin hỗ trợ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia hàng năm nhằm triển khai thực hiện chương trình khuyến công;

- Bảo đảm cân đối bố trí kinh phí khuyến công hàng năm đáp ứng kịp thời nhu cầu hoạt động khuyến công để triển khai thực hiện chương trình một cách hiệu quả nhất;

- Tích cực tranh thủ tối đa các nguồn vốn khác kể cả kết hợp, lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ, chương trình phát triển ngành nghề nông thôn và nguồn vốn tài trợ hợp pháp theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động khuyến công.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực, thị trường tiêu thụ sản phẩm cho cơ sở CN-TTCN:

a) Về nguồn nhân lực:

Tăng cường tư vấn, hỗ trợ các cá nhân, tổ chức đầu tư vào sản xuất công nghiệp. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn để trang bị kiến thức khởi sự doanh nghiệp, nâng cao kỹ năng quản trị doanh nghiệp, khả năng cạnh tranh, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế; nâng cao nhận thức về lợi ích áp dụng SXSH trong công nghiệp; Hàng năm tổ chức các cuộc đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh, các ngành, UBND các cấp với chủ doanh nghiệp, để lắng nghe và giải quyết kịp thời các vướng mắc, khó khăn, tạo điều kiện cho hỗ trợ cơ sở phát triển sản xuất kinh doanh.

b) Về thị trường:

Đẩy mạnh hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất CN-TTCN tiến hành các hoạt động giới thiệu, quảng bá sản phẩm để củng cố thị trường trong nước, đồng thời luôn chú trọng hỗ trợ cho các doanh nghiệp tiến hành tìm hiểu, khảo sát thị trường ở nước ngoài thông qua việc tham gia các kỳ hội nghị, hội chợ, triển lãm để từ đó có những hoạt động giới thiệu, quảng bá sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm phù hợp.

5. Giải pháp về hỗ trợ cải tiến, đổi mới công nghệ:

a) Tăng cường tư vấn, hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất CN-TTCN tìm hiểu, hợp đồng mua máy móc, thiết bị công nghệ phù hợp để nâng cao năng lực sản xuất và phát huy tối đa hiệu quả việc sản xuất, kinh doanh của cơ sở;

b) Khuyến khích hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ vào sản xuất CNNT. Ưu tiên, hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới, áp dụng công nghệ tiên tiến, xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường giải pháp SXSH trong công nghiệp.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công thành phố Cần Thơ đến năm 2020 dự kiến là 18,5 tỷ đồng, trong đó từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia dự kiến là 11,9 tỷ đồng, kinh phí khuyến công địa phương dự kiến là 6,6 tỷ đồng (*Đính kèm phụ lục*).

2. Hàng năm, căn cứ vào Chương trình và đề xuất của Sở Công Thương, Sở Tài chính cân đối kinh phí từ ngân sách để tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động khuyến công theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương có nhiệm vụ:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung của Chương trình khuyến công đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp rà soát và xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách về khuyến công trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành;

c) Tổng hợp kế hoạch khuyến công của các huyện để xây dựng đề án và dự toán chi tiết kinh phí, yêu cầu chi tiết nội dung từng khoản mục tạo điều kiện thuận lợi cho việc thẩm định kinh phí, gửi Sở Tài chính có ý kiến trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kinh phí khuyến công của năm;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện

kiểm tra định kỳ, đột xuất, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các đề án bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả;

đ) Chủ động đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân, đơn vị có thành tích tốt trong hoạt động phát triển CN-TTCN, thực hiện tốt công tác khuyến công, hoạt động kinh doanh có hiệu quả; thực hiện tốt chính sách đối với người lao động, thực hiện an toàn lao động; áp dụng quy trình mới, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật,... nhằm khuyến khích thi đua phát triển sản xuất, góp phần thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Sở Tài chính có nhiệm vụ:

a) Căn cứ vào Chương trình khuyến công hàng năm đã được phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách của thành phố, hàng năm tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí để thực hiện Chương trình khuyến công thành phố Cần Thơ đảm bảo đúng quy định;

b) Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có nhiệm vụ:

a) Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các hoạt động liên quan đến đào tạo nghề, truyền nghề cho người lao động sản xuất CN-TTCN trên địa bàn thành phố đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo;

b) Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có nhiệm vụ:

Phối hợp với Sở Công Thương chuyển giao cho các doanh nghiệp sản xuất CN-TTCN các đề tài, dự án đã nghiên cứu thành công để ứng dụng vào thực tiễn sản xuất nhằm phát huy ngay hiệu quả các đề tài nghiên cứu khoa học tại địa phương; hướng dẫn doanh nghiệp xác lập, khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ (gồm hướng dẫn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích,...) đối với sản phẩm CN-TTCN.

5. Ủy ban nhân dân huyện có nhiệm vụ:

a) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp cho các cơ sở công nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn;

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc lựa chọn, đề xuất các dự án, đề án khuyến công

khả thi trên địa bàn gửi về Sở Công Thương thông qua Trung tâm Khuyến công để hỗ trợ xây dựng hồ sơ đề án, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt;

c) Cân đối kinh phí để hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn;

d) Tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các đề án khuyến công để triển khai thực hiện tại địa phương mình quản lý và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo quy định gửi về Sở Công Thương để tổng hợp;

đ) Căn cứ tình hình hoạt động khuyến công tại địa phương, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng các cá nhân, đơn vị trên địa bàn có thành tích trong hoạt động phát triển CN-TTCN, thực hiện tốt công tác khuyến công; hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả; thực hiện các chính sách đối với người lao động, thực hiện an toàn lao động; áp dụng quy trình mới, có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật,...

6. Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chương trình khuyến công:

Tổ chức triển khai, thực hiện đề án theo nội dung đã được phê duyệt, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn vướng mắc, vượt thẩm quyền, các sở, ngành, các địa phương kịp thời thông tin báo cáo, phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Quang Hoài Nam

Phụ lục: DỰ TOÁN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt Chương trình khuyến công thành phố Cần Thơ đến năm 2020)

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó:		Năm thực hiện											
					2017			2018			2019			2020		
			Quốc gia 7+10+ 13+16	TPCT 8+11+ 14+17	Số đề án	Kinh phí		Số đề án	Kinh phí		Số đề án	Kinh phí		Số đề án	Kinh phí	
						Quốc gia	TPCT		Quốc gia	TPCT		Quốc gia	TPCT		Quốc gia	TPCT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)		18,564	11,920	6,644	32	353	2,043	46	4,974	1,574	46	2,073	1,498	38	4,520	1,529
I	Đào tạo nghề lao động	744	420	324			108	4	140	54	6	140	108	4	140	54
1	Máy công nghiệp															
	- Quốc gia	420	420					2	140		2	140		2	140	
2	Đào tạo nâng cao tay nghề CN-TTCN															
	- Thành phố	324		324	4		108	2		54	4		108	2		54
II	Khởi sự, nâng cao năng lực quản lý	1,153	203	950	9	203	210	11		270	9		210	10		260
1	Đào tạo khởi sự doanh nghiệp	200	80	120	2	80	30	2		30	2		30	2		30
2	Nâng cao năng lực quản lý, quản trị, điều hành	243	123	120	2	123	30	2		30	2		30	2		30
3	Hỗ trợ DN, cơ sở tham gia học tập kinh nghiệm	120		120	1		30	1		30	1		30	1		30

4	Hỗ trợ thành lập DN sản xuất CNNT	90		90	2		20	3		30	2		20	2		20
5	Xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng SXSH	500		500	2		100	3		150	2		100	3		150
III	Hỗ trợ mô hình trình diễn, ứng dụng máy móc	4,100	2,200	1,900	5	150	850	7	800	450	6	650	300	5	600	300
1	Hỗ trợ mô hình trình diễn kỹ thuật	400		400	1		400									
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị															
	- Quốc gia	2,200	2,200		1	150		4	800		4	650		3	600	
	- Thành phố	1,500		1,500	3		450	3		450	2		300	2		300
IV	Phát triển sản phẩm CNNTTB	940		940	5		275	4		195	5		275	4		195
1	Hỗ trợ cơ sở CNNT tham gia HC-TL trong nước	180		180	2		45	2		45	2		45	2		45
2	Tổ chức gian hàng SPCNNT tham gia HCTL	600		600	2		150	2		150	2		150	2		150
3	Tổ chức bình chọn sản phẩm CNNTTB thành phố	160		160	1		80				1		80			
V	Hỗ trợ xây dựng đăng ký thương hiệu	397	97	300	5		75	8	34	75	8	33	75	8	30	75
	- Quốc gia	97	97					3	34		3	33		3	30	
	- Thành phố	300		300	5		75	5		75	5		75	5		75
VI	Cung cấp thông tin	750		750	3		170	4		205	4		205	3		170
1	Tuyên truyền trên báo đài và các phương tiện khác	400		400	1		100	1		100	1		100	1		100

[illegible]